

VIỆN KHOA HỌC THỦY LỢI VIỆT NAM
VIỆN KỸ THUẬT BIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 06 năm 2025

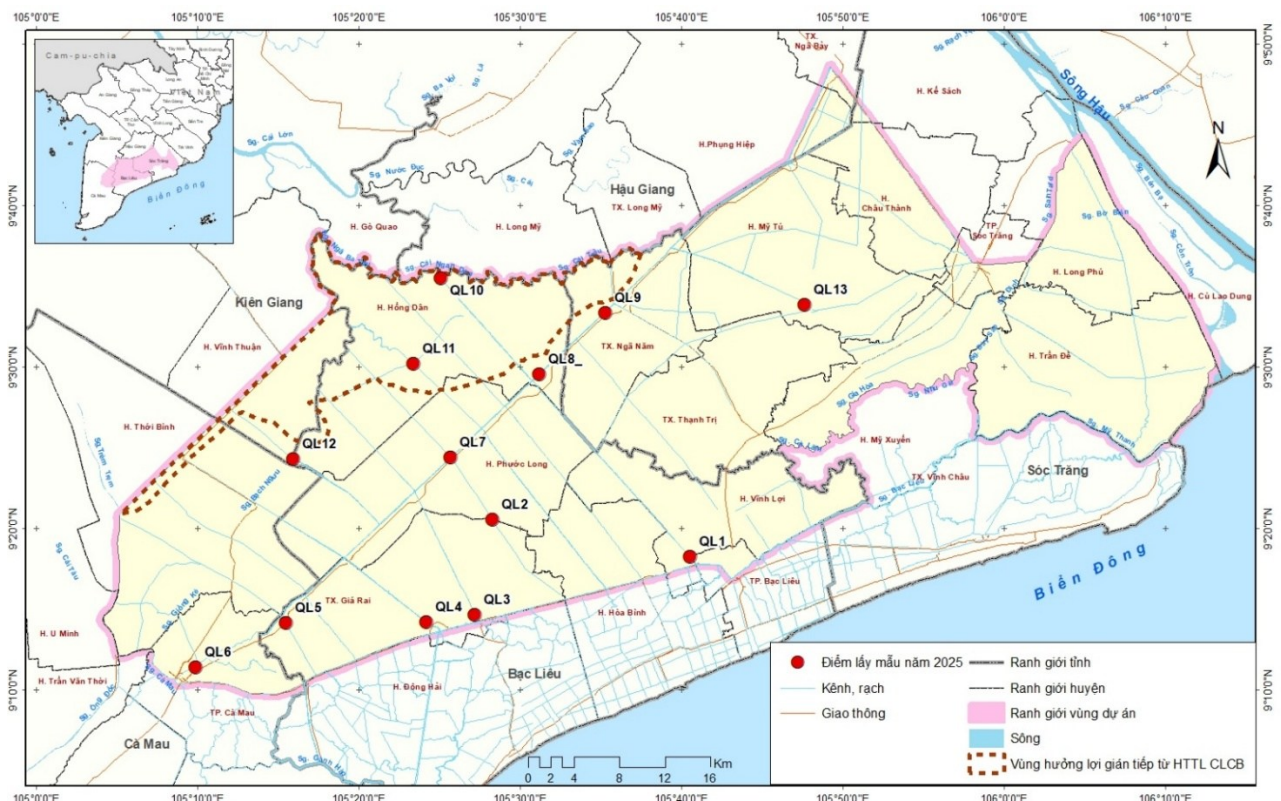
BẢN TIN TUẦN KỲ 15

“Đợt đo ngày 27/05/2025 , dự báo từ 04/06/2025 đến 10/06/2025”

1. Kết quả giám sát chất lượng nước ngày 27/05/2025

1.1.Vị trí lấy mẫu

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được chọn để bảo đảm không chế đều chất lượng nước trong khu vực giám sát, kiểm soát được các tác động bên ngoài, đánh giá được các nguồn thải, phục vụ cho mô hình dự báo chất lượng nước. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1: Sơ đồ vị trí các điểm giám sát chất lượng nước năm 2025

1.2. Kết quả đo đạc chất lượng nước tại 13 vị trí lấy mẫu

TT	Vị trí thu mẫu (Kí hiệu)	pH	Mặn	TSS	DO	BOD ₅	COD	TP	TN	Coliform	WQI	Khuyến cáo
			‰	mg/l	mgO ₂ /l			mg/l		MPN/ 100ml		
	QCVN08:2023 -BTNMT (Bảng 2, mức B) (*)	6- 8,5		≤100	≥5	≤6	≤15	≤0,3	≤1,5	≤5000		
1	Trước cống Cầu Sập trên kênh Quản Lộ – Bạc Liêu (QL1)	7,08	0,4	108,40	3,97	10,5	20,4	0,28	1,30	3600	70	Theo chỉ số WQI, chất lượng nước ở đây trung bình, oxy hoà tan thấp, hàm lượng chất rắn lơ lửng và ô nhiễm hữu cơ cao. Có thể sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù thích hợp.
2	Trên giữa kênh Vĩnh Phong thuộc xã Vĩnh Thanh (QL2)	6,75	0,8	125,20	5,28	15,1	26,3	0,24	3,36	5400	64	Theo chỉ số WQI, chất lượng nước ở đây trung bình, cần có các biện pháp xử lý chất ô nhiễm hữu cơ, vô cơ, dinh dưỡng trước khi cấp nước cho SXNN.
3	Trong cống Phó Sinh trên kênh Quản Lộ - Giá Rai (QL3)	7,5	19,1	76,50	4,69	14,2	25,8	0,36	2,64	4100	66	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản, tuy nhiên cần lưu ý

												xử lý ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và nồng độ Oxy hòa tan thấp trong nước.
4	Trước cống Chủ Chí trên kênh Hộ Phòng (QL4)	7,25	17,8	89,20	6,10	13,7	23,7	0,32	2,15	2000	80	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản.
5	Trên kênh xáng Láng Trâm (QL5)	7,54	21,7	58,60	6,73	10,5	18,9	0,56	1,47	2400	84	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể sử dụng cho mục đích nuôi trồng thủy sản với biện pháp xử lý ô nhiễm thích hợp.
6	Trong cống Cà Mau tại cuối kênh Quản Lộ Phụng Hiệp (QL6)	7,25	16,3	80,40	3,15	17,4	30,2	1,45	4,96	12000	28	Theo chỉ số WQI, chất lượng nước ở đây xấu, chưa thích hợp cấp nước NTTS, cần tăng nồng độ Oxy hoà tan và xử lý ô nhiễm hữu cơ, dinh dưỡng và vi sinh trong nước để đảm bảo sự phát triển cho con nuôi.
7	Điểm lấy mẫu đầu kênh Ninh Thạnh Lợi (QL7)	7,41	19,2	62,70	4,41	10,8	19,4	0,45	2,04	3300	73	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể cấp nước cho SXNN sau khi áp dụng các biện pháp xử lý thích hợp.
8	Sau âu thuyền Ninh Quới trên kênh Quản Lộ Phụng	7,15	0,2	42,40	4,87	11,6	22,5	0,30	1,58	8400	56	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây có chất lượng trung bình. Cần lưu ý xử lý ô nhiễm hữu

	Hiệp (QL8)											ơ và oxy hòa tan thấp trong nước.
9	Điểm lấy mẫu ở vị trí Cổng Đá trên kênh Quản Lộ-Phụng Hiệp (QL9)	7,33	0,2	42,50	5,32	12,4	23,7	0,29	1,63	6200	63	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể dùng cấp nước tưới tiêu cây trồng sau khi có biện pháp xử lý ô nhiễm hữu cơ phù hợp.
10	Điểm lấy mẫu cuối kênh xáng Ngan Dừa (QL10)	7,15	2	78,40	4,57	18,7	32,5	0,41	3,69	3400	63	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, cần lưu ý nồng độ oxy hòa tan trong nước thấp trước khi cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.
11	Điểm lấy mẫu tại kênh Cộng Hoà (QL11)	7,11	19,5	55,30	5,84	7,2	14,6	0,44	0,63	3100	84	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây tốt, có thể lấy nước phục vụ nuôi trồng thủy sản.
12	Điểm giao kênh Phong Thạnh Tây với sông Bạch Ngưu (QL12)	7,62	13,5	70,70	2,74	14,3	26,8	0,34	2,44	4800	57	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, cần tăng độ Oxy trong nước trước khi đưa vào ao nuôi để đảm sự phát triển của con nuôi.
13	Trong cống Mỹ Phước trên kênh xáng Mỹ Phước (QL13)	7,13	0,2	60,80	5,92	13,2	25,7	0,30	2,19	6200	67	Theo chỉ số WQI, nguồn nước ở đây trung bình, có thể dùng cho việc lấy nước phục vụ tưới tiêu cây trồng sau khi có các biện pháp xử lý phù hợp.

Ghi chú: Các giá trị in đậm là các giá trị vượt ngưỡng cho phép

Thang đo giá trị WQI và mức đánh giá chất lượng nước tương ứng

Giá trị WQI	Mức đánh giá chất lượng nước (phù hợp sử dụng)
91 - 100	Rất tốt, cấp nước cho sinh hoạt
76 - 90	Tốt, cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp
51 - 75	Trung bình, cấp tưới tiêu và các mục đích tương đương khác
26 - 50	Kém, giao thông thủy và các mục đích tương đương khác
10 - 25	Ô nhiễm nặng, nước ô nhiễm nặng, cần các biện pháp xử lý trong tương lai
< 10	Ô nhiễm rất nặng

2. Dự báo chất lượng nước ngày 04/06÷10/06/2025

Kết quả dự báo 4 chỉ tiêu chính bao gồm: độ mặn, DO, BOD₅, TN từ ngày 04/06/2025 đến 10/06/2025 được thể hiện qua các Bảng 2 đến Bảng 5 như sau:

2.1. Độ mặn

Độ mặn dự báo từ 04/06÷10/06/2025 dao động trong khoảng 0,1÷22,22‰, giảm nhẹ so với tuần trước. Tại tiểu vùng ngọt hóa, độ mặn vẫn duy trì ở mức thấp, đa phần dưới 2‰, đảm bảo nguồn nước ngọt cho sản xuất nông nghiệp. Tại tiểu vùng chuyển đổi, độ mặn duy trì ở mức phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, ngoại trừ vị trí QL10 tại Bắc Hồng Dân có độ mặn thấp dưới mức 4‰, chưa thích hợp nuôi tôm.

Bảng 2: Giá trị dự báo độ mặn tại các điểm giám sát từ 04/06÷10/06/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							%	
		04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	0,47	0,48	0,48	0,48	0,48	0,47	0,46	0,46	0,48
QL2		0,87	0,92	0,93	0,87	0,88	0,89	0,95	0,87	0,95
QL8		1,92	1,79	1,88	2,00	1,86	1,55	1,07	1,07	2,00
QL9		0,13	0,19	0,10	0,14	0,16	0,18	0,16	0,10	0,19
QL13		0,24	0,12	0,28	0,27	0,27	0,11	0,22	0,11	0,28
QL3	Chuyên đổi	16,56	16,49	16,59	16,71	16,87	17,11	17,49	16,49	17,49
QL4		17,92	17,75	17,06	15,66	14,99	15,08	15,04	14,99	17,92
QL5		22,22	21,87	21,38	20,63	19,78	19,16	18,81	18,81	22,22
QL6		18,46	18,54	18,75	18,11	15,61	14,17	13,67	13,67	18,75
QL7		16,04	16,28	16,64	17,02	17,34	17,66	18,04	16,04	18,04
QL10		3,01	3,45	3,87	4,23	4,52	4,69	4,79	3,01	4,79
QL11		18,26	18,70	19,06	17,06	16,91	17,12	17,29	16,91	19,06
QL12		13,38	13,64	13,87	13,78	13,46	13,22	13,17	13,17	13,87
Ranh mặn		<1 %	1%-4%		>4%					

2.2. Oxy hòa tan (DO)

Hàm lượng DO dự báo dao động trong tuần từ 3,14÷6,25 mg/l, tăng nhẹ so với tuần trước. Nồng độ DO tại nhiều vị trí không đạt mức B trong cả tuần. Cần tiếp tục theo dõi để đảm bảo không có xu hướng giảm DO trong tương lai, đặc biệt tại vị trí như QL1, nơi giá trị DO thấp nhất có thể dưới mức 3 mg/L.

Bảng 3: Giá trị dự báo DO tại các điểm giám sát từ 04/06÷10/06/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	3,91	3,96	3,90	3,47	3,14	3,21	3,29	3,14	3,96
QL2		5,08	5,19	5,28	5,35	5,40	5,43	5,42	5,08	5,43
QL8		5,28	5,20	5,17	5,20	5,16	5,15	5,13	5,13	5,28
QL9		4,81	4,82	4,84	4,87	4,92	4,98	5,37	4,81	5,37
QL13		5,63	5,69	5,71	5,72	5,78	5,79	5,77	5,63	5,79

QL3	Chuyển đổi	4,47	4,47	4,46	4,51	4,58	4,59	4,59	4,46	4,59
QL4		6,18	6,22	6,24	6,25	6,24	6,23	6,21	6,18	6,25
QL5		5,75	5,77	5,84	5,91	5,95	5,96	5,95	5,75	5,96
QL6		3,74	3,59	3,48	3,37	3,30	3,28	3,32	3,28	3,74
QL7		4,73	4,73	4,73	4,74	4,80	4,84	4,84	4,73	4,84
QL10		5,02	5,04	5,05	5,06	5,08	5,08	5,09	5,02	5,09
QL11		4,85	4,79	5,30	5,32	5,32	5,29	5,26	4,79	5,32
QL12		3,41	3,77	4,23	4,68	4,63	4,36	4,01	3,41	4,68
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: $\geq 6,0$			Đạt mức B: $\geq 5,0$			Không đạt mức B: $< 5,0$		

2.3. Nhu cầu Oxy sinh hóa (BOD₅)

Hàm lượng BOD₅ trong tuần nằm trong khoảng từ 8,84 mg/l – 17,62 mg/l, giảm nhẹ so với tuần trước, dù vẫn vượt mức B của QCVN08 nhiều lần tại các vị trí. Đặc biệt tại điểm QL10 có hàm lượng BOD₅ cao nhất dự báo vượt mức B từ 2,5 lần. Cần có biện pháp xử lý thích hợp trước khi cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 4: Giá trị dự báo BOD₅ tại các điểm giám sát từ 04/06÷10/06/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max
QL1	Ngọt hóa	10,50	10,40	10,26	10,12	10,01	9,96	10,11	9,96	10,50
QL2		15,61	15,03	14,76	15,06	15,60	15,80	15,50	14,76	15,80
QL8		13,35	13,24	13,47	13,24	13,07	12,73	12,34	12,34	13,47
QL9		13,35	13,70	14,26	14,64	14,26	13,90	13,51	13,35	14,64
QL13		13,99	13,50	13,27	13,20	13,12	12,96	12,79	12,79	13,99
QL3	Chuyển đổi	14,26	14,09	13,83	13,60	13,44	13,31	13,20	13,20	14,26
QL4		13,95	13,48	13,22	13,04	12,99	13,08	13,56	12,99	13,95
QL5		10,76	10,79	10,86	11,09	11,39	11,63	11,73	10,76	11,73
QL6		14,77	14,83	14,75	14,55	14,31	14,11	13,75	13,75	14,83
QL7		11,07	11,31	11,38	11,36	11,28	11,21	11,19	11,07	11,38
QL10		16,22	17,05	17,12	16,57	15,32	15,83	17,62	15,32	17,62
QL11		8,84	8,85	8,84	8,86	8,90	8,95	8,99	8,84	8,99
QL12		13,39	13,80	14,07	14,30	14,48	14,50	14,34	13,39	14,50
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 4			Đạt mức B: ≤ 6		Không đạt mức B: > 6			

2.4. Tổng Nito (TN)

Giá trị TN trong tuần dự báo dao động từ 1,01 – 4,18 mg/l, giảm đáng kể so với tuần trước, đặc biệt tại vị trí QL1 (cổng Cầu Sập). Tuy nhiên hầu hết các vị trí trong vùng đều có giá trị TN vượt ngưỡng mức B tất cả các ngày trong tuần. Cần có biện pháp xử lý phù hợp trước khi sử dụng nước. Đặc biệt, tại vị trí QL2 có nồng độ tổng Nito cao nhất trong tuần vượt ngưỡng mức B khoảng 2,5 lần

Bảng 5: Giá trị dự báo TN tại các điểm giám sát từ 04/06÷10/06/2025

Kí hiệu	Tiểu vùng	Dự Báo							mg/l	
		04/06	05/06	06/06	07/06	08/06	09/06	10/06	Min	Max

QL1	Ngọt hóa	1,64	1,65	1,65	1,75	1,75	1,74	1,74	1,64	1,75
QL2		4,18	4,10	4,05	3,95	3,77	3,49	2,63	2,63	4,18
QL8		1,55	1,58	1,58	1,56	1,53	1,50	1,49	1,49	1,58
QL9		2,12	2,11	2,07	2,03	1,04	1,07	1,13	1,04	2,12
QL13		1,57	1,53	1,53	1,51	1,29	1,73	2,03	1,29	2,03
QL3	Chuyển đổi	2,84	2,92	2,97	3,00	3,04	3,08	3,09	2,84	3,09
QL4		1,71	1,76	1,81	1,85	1,89	1,91	1,92	1,71	1,92
QL5		1,47	1,41	1,36	1,32	1,30	1,29	1,30	1,29	1,47
QL6		3,28	3,24	3,21	3,18	3,12	3,05	2,99	2,99	3,28
QL7		2,22	2,20	2,15	2,08	2,02	1,95	1,87	1,87	2,22
QL10		2,92	2,99	3,03	3,04	3,02	2,96	2,89	2,89	3,04
QL11		1,10	1,04	1,01	1,10	1,15	1,15	1,20	1,01	1,20
QL12		2,21	2,16	2,00	1,82	1,73	1,63	1,42	1,42	2,21
QCVN08:2023 (Bảng 2)		Đạt mức A: ≤ 0,6			Đạt mức B: ≤ 1,5			Không đạt mức B: > 1,5		

Khuyến cáo: Trong thời gian từ 04/06÷10/06, độ mặn có xu hướng ổn định, tuy nhiên cần chú ý vị trí QL10 có độ mặn cao chưa phù hợp để cấp nước nuôi trồng thủy sản. DO trong vùng dự án có xu hướng tăng nhẹ so với tuần trước. Hàm lượng BOD₅ dù có xu hướng giảm, nhưng vẫn vượt ngưỡng mức B QCVN08:2023 nhiều lần, cần giám sát và lưu ý thêm. Nồng độ TN đã cải thiện đáng kể so với tuần trước, mặc dù vẫn còn vượt ngưỡng mức B tại một vài vị trí trong khu vực đặc biệt QL2, QL3, QL6 và QL10.

Nơi nhận

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo Sở NN&MT, CTTL, Công ty khai thác công trình thủy lợi các tỉnh Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi (để b/c);
- Webgis Cục Quản lý và xây dựng công trình thủy lợi, Website Viện Kỹ thuật Biển (để b/c);
- Lưu TT TNB&ĐB



VIỆN TRƯỞNG

Phạm Văn Tùng